TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Bình.

2. Bà Trương Thị Tố Trinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Cao Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số 198 T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thành T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Ninh Thuận. (Theo Giấy ủy quyền số 828/UQ-VCB-PC ngày 20-10-2021)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân G - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Ninh Thuận. (Theo Giấy ủy quyền số 519/UQ.VCB.NTH ngày 19-7-2023) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quỳnh L, sinh năm: 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 11, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân G trình bày:

Ông Nguyễn Quỳnh L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP N (Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0114/NTH/CVTD/CN ngày 07-11-2018, cụ thể:

- Số tiền vay: 40.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Tiêu dùng hợp pháp phục vụ đời sống cá nhân và gia đình;

- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu;

- Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay được xác định theo công bố lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 11.5%/năm. Lãi suất vay hiện nay là 13.5%/năm;

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn;

- Kỳ hạn trả nợ: Trả gốc, lãi vào ngày 05 hàng tháng;

- Số tiền gốc đã trả: 35.354.463 đồng;

- Số tiền lãi đã trả: 6.796.287 đồng.

Tính đến ngày 21-7-2023, dư nợ của ông Nguyễn Quỳnh L theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0114/NTH/CVTD/CN ngày 07-11-2018 là: 6.346.254 đồng. Trong đó, nợ gốc là 4.645.537 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.170.165 đồng, nợ lãi quá hạn là 530.552 đồng. Do ông Nguyễn Quỳnh L đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng về việc trả nợ vay, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Yêu cầu ông Nguyễn Quỳnh L phải trả cho Ngân hàng TMCP N với tổng số tiền tính đến ngày 21-7-2023 là 6.346.254 đồng. Trong đó, nợ gốc là 4.645.537 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.170.165 đồng, nợ lãi quá hạn là 530.552 đồng.

2. Kể từ ngày 22-7-2023, ông Nguyễn Quỳnh L phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0114/NTH/CVTD/CN ngày 07-11-2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn ông Nguyễn Quỳnh L: Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Quỳnh L đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông L đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu giấy phương án sử dụng vốn, hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0114/NTH/CVTD/CN ngày 07-11-2018, giấy nhận nợ và giấy rút tiền, thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Quỳnh L. Hơn nữa, ông L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án xem như tự từ bỏ quyền lợi của mình. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 07-11-2018, ông Nguyễn Quỳnh L có vay của Ngân hàng TMCP N số tiền 40.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay ban đầu 11.5%/năm, lãi suất vay hiện nay 13.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ

gốc, lãi vào ngày 05 hàng tháng. Do đó, giao dịch giữa Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Quỳnh L được xác lập trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã trả cho Ngân hàng được 35.354.463 đồng tiền gốc, 6.796.287 đồng tiền lãi và sau đó không thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng. Do ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quỳnh L phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 21-7-2023 là 6.346.254 đồng (nợ gốc 4.645.537 đồng, nợ lãi trong hạn 1.170.165 đồng, nợ lãi quá hạn 530.552 đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0114/NTH/CVTD/CN ngày 07-11-2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ, phù hợp các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Quỳnh L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 21-7-2023 là 6.346.254 đồng (sáu triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc 4.645.537 đồng (bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn 1.170.165 đồng (một triệu một trăm bảy mươi ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 530.552 đồng (năm trăm ba mươi ngàn năm trăm năm mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22-7-2023), ông Nguyễn Quỳnh L còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc

chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0114/NTH/CVTD/CN ngày 07-11-2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N thì lãi suất mà ông Nguyễn Quỳnh L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP N.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quỳnh L phải chịu 317.000 đồng (ba trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005020 ngày 21-02-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trần Long